BUT VANG

Họ và tên : ……

Lớp: 4

BÀI TẬP THEO TUẦN

TUẦN 3

I. TRẮC NGHIỆM: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Chữ số 3 có giá trị bằng 30000 trong số:

A. 345678 B. 603507 C. 836120 D. 965138

Câu 2. Số bé nhất có 6 chữ số khác nhau là:

A. 100000 B. 123450 C. 123504 D. 102345

Câu 3. Số gồm một trăm nghìn, hai chục nghìn và một trăm đơn vị được viết là:

A. 121000 B. 102100 C. 120100 D. 120010

Câu 4. Dãy số nào dưới đây được viết theo thứ tự từ bé đến lớn:

A. 124357; 123457; 124357; 123457

B. 123457; 124375; 123475; 124357

C. 123375: 123457; 124357; 124375

D. 124375; 124357; 123475; 123457

Câu 5. Chữ số 6 trong số 365035 thuộc hàng nào, lớp nào?

A. Hàng chục, lớp nghìn B. Hàng nghìn, lớp nghìn

C. Hàng chục nghìn, lớp đơn vị D. Hàng chục nghìn, lớp nghìn

Câu 6. Trong các dãy số sau, dãy số tự nhiên là dãy số:

A. 0,5,10,15,20… B. 0,1,2,3,4,5,6. C. 0,2,4,6,8… D. 0,1,2,3,4,5,6…

Câu 7. Trong các số dưới đây, chữ số 6 có giá trị lớn nhất ở số :

A. 17 620 B. 376 920 000 C. 47 260 D. 62 315 800

Câu 8. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

A. Số liền sau số 999 999 là : 1 000 000 ☐

B. Số liền trước số nhỏ nhất có 7 chữ số là : 999 999 ☐

C. 1 là số tự nhiên nhỏ nhất ☐

BUTVANG.VN

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Viết các số sau:

a) 6 trăm nghìn, 2 chục nghìn, 4 trăm, 5 đơn vị:……

b) 8 trăm nghìn, 3 nghìn, 4 trăm, 2 chục:……

c) 7 trăm nghìn, 5 chục nghìn, 7 chục, 2 đơn vị……

Bài 2. Viết các số thích hợp vào ô trống:

Số	82567413	953846210	400768023
Giá trị của chữ số 2			
Giá trị của chữ số 4			
Giá trị của chữ số 8			

Bài 3. Tìm *x* biết:

a) *x* là số tròn triệu và *x* < 7 000 000: ……

b) 101 000 000 < *x* < 101 000 003: ……

Bài 4. Có ba tổ công nhân tham gia sửa đê. Tổ thứ nhất sửa được 1263m đê, tổ thứ hai sửa bằng tổ thứ nhất và kém tổ thứ ba 148m đê. Hỏi cả ba tổ sửa được bao nhiêu mét đê ?

Bài giải

……

……

……

……

……

Bài 5. Từ bốn chữ số 0, 2, 4, 6 hãy viết các số có bốn chữ số khác nhau và lớn hơn 6024:

……

……

==========

CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH

BUTVANG.VN

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN I: Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp số	C	D	C	C	D	D	D

Câu 8. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

A. Số liền sau số 999 999 là : 1 000 000 Đ

B. Số liền trước số nhỏ nhất có 7 chữ số là : 999 999 Đ

C. 1 là số tự nhiên nhỏ nhất S

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Viết các số sau:

a. 6 trăm nghìn, 2 chục nghìn, 4 trăm, 5 đơn vị: 620 405

b. 8 trăm nghìn, 3 nghìn, 4 trăm, 2 chục: 803 420

c. 7 trăm nghìn, 5 chục nghìn, 7 chục, 2 đơn vị : 750 072

Bài 2. Viết các số thích hợp vào ô trống:

Số	82 567 413	953 846 210	400 768 023
Giá trị của chữ số 2	2 000 000	200	20
Giá trị của chữ số 4	400	40 000	400 000 000
Giá trị của chữ số 8	80 000 000	800 000	8 000

Bài 3. Tìm *x* biết:

a. *x* là số tròn triệu và *x* < 7 000 000:

x = 1 000 000 ; *x* = 2 000 000 ; *x* = 3 000 000 ; *x* = 4 000 000 ;

x = 5 000 000 ; *x* = 6 000 000

b. 101 000 000 < *x* < 101 000 003: *x* = 101 000 001 ; *x* = 101 000 002

Bài 4. Có ba tổ công nhân tham gia sửa đê. Tổ thứ nhất sửa được 1263m đê, tổ thứ hai sửa bằng tổ thứ nhất và kém tổ thứ ba 148m đê. Hỏi cả ba tổ sửa được bao nhiêu mét đê ?

Bài giải

Tổ thứ ba sửa được số mét đê là: 1263 + 148 = 1411 (m)

Cả ba tổ sửa được số mét đê là: 1263 + 1263 + 1411 = 3937 (m)

Đáp số: 3937m đê

BUTVANG.VN

Bài 5. Từ bốn chữ số 0, 2, 4, 6 hãy viết các số có bốn chữ số khác nhau và lớn hơn 6024:

Các số đó là: 6204 ; 6240 ; 6402 ; 6420

BUTVANG.VN